

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS - PT

Ngày 22- 02 - 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hà
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Nam
Ông Lê Tuấn Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/DS - PT, ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS - ST, ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố TQ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2021/QĐ-PT, ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Ma Công N**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. *Bị đơn:* Anh **Mai Trung T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 10, xã L, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 07, xã L, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng và thương mại H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn T1– Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ngõ 284, đường 17/8, tổ 04 (tổ 10 cũ), phường P, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

4. Theo đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1977.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Ma Công N trình bày:

Ông và anh Mai Trung T không quen biết nhau từ trước. Vào năm 2018, anh Mai Trung T có thuê ông san ủi làm mặt bằng chợ HT và sân vận động Ủy ban nhân dân xã HT, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuối tháng 11 năm 2018 ông đã hoàn thành khối lượng công việc và lập bảng khối lượng để đối chiếu công nợ với ông Mai Trung T với tổng số tiền phải thanh toán là 87.480.000 đồng, anh T đã thanh toán cho ông số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ lại 62.421.000 đồng. Tại phần cuối của bảng tổng hợp số nợ có ghi “Trong đó có 14.680.000 đồng UBND xã HT nợ”. Đây là phần làm sân vận động làm thêm cho UBND xã HT, huyện N, anh T là người ký kết với Ủy ban nhân dân xã HT như thế nào ông không biết, ông chỉ nhận làm thuê cho anh T. Tổng số tiền anh T còn nợ ông N là 62.421.000 đồng nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Mai Trung T thanh toán số tiền nợ công trình ông đã thi công với tổng số tiền là 62.421.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn anh Mai Trung T trình bày:

Năm 2018 anh làm kỹ thuật cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) xây dựng thương mại H (công ty), anh có trách nhiệm xác nhận khối lượng công việc tại Công trường về nhân công và máy móc, khi đó công ty có thuê máy xúc làm theo giờ san mặt bằng chợ xã HT và sân vận động Ủy ban nhân dân xã HT, huyện N. Anh có trách nhiệm chăm giờ cho máy xúc của ông N, còn về phần thanh toán anh không được thanh toán cho ông N mà do Công ty thanh toán cho ông N, anh cũng không có bất cứ hợp đồng nào với ông N về thuê máy móc của ông N. Anh nhận thấy bảng khối lượng ông N nộp cho Tòa án được thêm vào là T nợ tiền mặt bằng xã HT và giao máy cho T thuê. Anh thấy không đúng như lúc đầu anh và lái máy xúc của ông N đã đối chiếu trên công trường. Đến cuối năm 2018 anh nghỉ việc ở công ty không làm việc tại công trình xã HT nữa. Tất cả các công trình ông N làm cho Công ty H là công trình Nhà nước. Anh chỉ được giao làm kỹ thuật của Công trường, giám sát máy móc và nhân công. Anh T xác nhận không nợ ông Ma Công N số tiền 62.421.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng). Anh T cũng chưa nhận được số tiền nào của Công ty để thanh toán cho ông N.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Đình H trình bày:*

Năm 2018, anh Mai Trung T là cán bộ kỹ thuật của công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H (đơn vị trúng thầu xây dựng chợ và sân vận động xã HT, huyện N, tỉnh

Tuyên Quang). Công ty có thuê anh Ma Công N để thi công san lấp mặt bằng. Anh Mai Trung T là cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm chăm giờ và xác nhận thời gian máy xúc của ông N thi công. Việc thanh toán cho ông N là trách nhiệm của Công ty, không phải của ông T, giữa ông Ma Công N và ông Mai Trung T không có bất cứ một hợp đồng thuê khoán hay một hợp đồng nào khác. Ông Ma Công N có đưa máy xúc tham gia thi công công trình sân vận động, chợ Nông thôn xã HT là công trình Nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại H là đơn vị thi công. Tất cả các phần việc theo dự toán Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N. Việc ông Ma Công N khởi kiện yêu cầu anh Mai Trung T thanh toán số tiền nợ công trình với tổng số tiền là 62.421.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng*) ông T không nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử bác bỏ toàn bộ yêu cầu của ông Ma Công N.

** Người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H - ông Mai Văn T1 trình bày:*

Khoảng từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018, ông có thuê ông Mai Trung T làm công việc chính là cai quản nhân công tại công trường xã HT, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Việc ông T1 thuê anh T giữa hai bên không ký kết hợp đồng gì và thuê theo thời vụ, xong công việc đến đâu thì trả tiền đến đó. Tiền công là khoảng 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng, còn tiền công trình là xong đến đâu ông T1 quyết toán riêng. Anh T trình bày anh T chỉ là người chốt nợ với ông N, còn tiền thanh toán là do công ty thanh toán cho ông N. Ông T1 không nhất trí với ý kiến trên bởi vì tháng 12 năm 2018 anh T đã gửi số liệu về việc thuê máy xúc của ông N để làm công trình cho công ty của anh T1. Hai bên đã đối chiếu công nợ như sau: Tổng số tiền phải thanh toán cho ông N là 44.800.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*); Tổng số tiền công ty đã thanh toán cho anh T nội dung thuê máy xúc của ông N là 46.010.000 (*Bốn mươi sáu triệu không trăm mười nghìn*), trong đó tiền mặt là 25.000.000 đồng và tiền ứng mua dầu là 21.010.000 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng*). Như vậy, ông T1 không còn nợ tiền thuê máy xúc của anh T. Ông T1 và anh T đã chốt công nợ và thanh toán hết hợp đồng. Như vậy, việc anh T và ông N nợ tiền nhau như thế nào không liên quan gì đến ông.

Vụ kiện đã được Toà án nhân dân thành phố TQ thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 26/7/2021, của Tòa án nhân dân thành phố TQ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 515; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Mai Trung T có nghĩa vụ trả cho ông Ma Công N số tiền 62.421.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng*)

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

2. Về án phí: Anh Mai Trung T phải nộp 3.121.050 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi một nghìn không trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Ma Công N không phải nộp án phí. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí là 1.560.500 đồng (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000914 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TQ ngày 03/3/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Đình H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 103/2021/DS-ST ngày 26/7/2021, của Tòa án nhân dân thành phố TQ với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét chứng cứ một cách khách quan. Anh T chỉ là người được Công ty thuê giám sát về nhân công, máy móc và công việc thực tế đã làm được. Công trình chợ và sân vận động xã HT, huyện N là công trình thuộc vốn đầu tư của nhà nước và đã được nghiệm thu, quyết toán. Việc thanh toán tiền máy xúc cho ông N là trách nhiệm của Công ty. Công ty H cho rằng đã thanh toán toàn bộ số tiền cho anh T để anh T thanh toán tiền cho ông N nhưng Công ty không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Công N để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án phúc thẩm đã mở phiên đối chất giữa các đương sự để làm rõ về các nội dung tranh chấp.

Tại phiên đối chất ông Ma Công N trình bày: Vào thời điểm khoảng tháng 8/2018 anh Mai Trung T có đến gặp ông đặt vấn đề thuê máy xúc của ông làm công trình san mặt bằng chợ HT và sân thể thao xã HT. Đầu tiên hai bên thỏa thuận làm mặt bằng của chợ HT thỏa thuận khoán toàn bộ công trình với giá là 34 triệu đồng, thỏa thuận bằng miệng không lập hợp đồng cụ thể. Anh T là người định vị vị trí làm công trình và chỉ đạo về mặt kỹ thuật, mặt bằng được san ủi là từ một quả đồi san xuống đến mức cao bằng nền nhà văn hóa thôn K, xã HT. Ông đã hoàn thành công việc theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện san ủi anh T có thanh toán trước cho ông 10 triệu đồng, anh T là người trực tiếp đưa tiền cho ông, khi đưa tiền không lập giấy tờ gì, số tiền còn lại chưa thanh toán là 24 triệu đồng. Đồng thời thời điểm đó anh T cũng thỏa thuận với ông thực hiện việc san ủi mặt bằng sân thể thao xã HT tính theo giờ là 400.000đ/giờ, quá trình thực hiện ông đã thực hiện công việc san ủi theo yêu cầu của anh T, cụ thể là làm sân thể thao xã HT và hỗ trợ san ủi mặt bằng để phục vụ lễ hội tại xã (làm mặt bằng để xe và làm

rãnh), tổng thời gian thực hiện là 36 giờ 40 phút với số tiền là 14.680.000đ. Khi lễ hội diễn ra anh T đề nghị ông để máy xúc tại khu vực lễ hội 02 ngày để khi có sự cố gì xảy ra thì sẽ khắc phục luôn, anh T thống nhất với ông trả cho ông 01 triệu đồng/ngày, 02 ngày là 02 triệu đồng. Sau đó anh T lại gặp ông đề nghị tiếp tục san ủi mặt bằng chợ HT xuống thấp hơn cos sân nhà văn hóa thôn K, xã HT theo đúng yêu cầu thiết kế của công trình vì theo anh T nói chủ đầu tư vào kiểm tra việc san ủi nên chợ HT chưa đúng thiết kế. Hai bên thỏa thuận anh T thuê máy xúc của ông thực hiện theo giờ, giá thỏa thuận là 400.000đ/giờ, anh T sẽ là người giám sát thực hiện công việc theo giờ, khi đã thực hiện được 57 giờ tương đương số tiền 22.800.00đ. Do thời gian đó mưa nhiều, máy móc không thể hoạt động nên T đặt vấn đề với ông không thuê theo giờ nữa mà thuê máy xúc theo tháng với số tiền là 22 triệu đồng/tháng để chủ động trong công việc. Các công việc đã thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên được bên ông và anh T theo dõi ghi sổ tay cụ thể. Trong thời gian thực hiện công trình theo yêu cầu của anh T, anh T đã thanh toán một lần nữa cho ông số tiền là 15 triệu, anh T không trực tiếp đưa tiền cho ông mà là anh T nhờ bạn đưa tiền cho ông tại thị trấn N, khi đưa tiền này hai bên không lập giấy tờ gì anh T chỉ gọi điện nói với ông. Như vậy tổng 02 lần anh T đã thanh toán cho ông số tiền 25 triệu đồng. Tóm lại toàn bộ việc san ủi mặt bằng tại xã HT do anh T thỏa thuận trực tiếp với ông, anh T cũng trực tiếp chỉ đạo giám sát cũng là người thanh toán tiền cho ông. Ông cũng không tìm hiểu công trình này là của công ty hay của ai khác. Tuy nhiên sau đó anh T không còn ở công trình nữa, anh T không thanh toán cho ông số tiền công san ủi theo thỏa thuận cũng không thông báo gì cho ông biết. Lúc đó ông mới đi tìm hiểu và được biết được anh T thực hiện công việc theo công trình của công ty TNHH một thành viên xây dựng và thương mại H. Việc anh T với công ty thỏa thuận như thế nào ông không biết. Khi nghiệm thu công trình anh T và ông T1 không gọi ông, ông chưa nghiệm thu được với anh T, anh T1. Sau đó ông đi tìm anh T để yêu cầu thanh toán, đến tận nhà anh T yêu cầu chốt khối lượng công việc và yêu cầu thanh toán. Lúc này anh T mới lấy sổ sách để đối chiếu với ông. Thời điểm viết giấy chốt khối lượng và công nợ vào cuối năm 2020. Trong thời gian san ủi mặt bằng tại xã HT ông có ứng của anh T 03 can dầu diezen mỗi can 20 lít, trị giá mỗi can là 600.000đ. Ngoài ra ông không được nhận tiền hay vật gì khác từ anh T nữa. Nay ông đề nghị anh T trả cho ông số tiền còn nợ lại theo bảng khối lượng tổng hợp khối lượng tháng 11/2018 mà anh T đã ký xác nhận nợ với ông.

Tại phiên đối chất anh Mai Trung T trình bày: Vào thời điểm tháng 8 năm 2018 ông Mai Văn T1 giám đốc công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H có thuê anh làm cán bộ kỹ thuật cho công ty. Khi thỏa thuận hai bên không lập hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Công ty giao cho anh phụ trách kỹ thuật, thuê máy xúc, xác nhận khối lượng công việc của nhân công và máy móc tại công trường tại xã HT, huyện N. Đây là một hạng mục công trình theo hợp đồng thầu giữa chủ đầu tư UBND huyện N với công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H. Việc thuê máy xúc cụ thể như thế nào thì anh phải có

trách nhiệm báo lại công ty để công ty thanh toán. Theo nhiệm vụ được giao anh đã gặp và thuê máy xúc của ông Ma Công N làm san ủi mặt bằng tại chợ HT và sân thể thao xã HT. Nội dung thỏa thuận về công việc, giá tiền công thuê san ủi và quá trình thực hiện công việc và việc chốt công nợ vào thời gian năm 2020 giữa anh và ông N như ông N trình bày là đúng. Anh có báo cáo lại toàn bộ nội dung thỏa thuận thuê máy xúc của ông N để làm công trình, số tiền thuê cụ thể cho ông T1 là giám đốc công ty, việc báo cáo bằng điện thoại, hàng ngày anh đều ghi sổ và chụp gửi ông T1 để báo cáo chi tiết. Ông T1 không giao khoán hẳn công việc cho anh mà mọi việc làm và giao dịch các công việc cụ thể tại công trường anh đều phải báo cáo cho ông T1, thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của ông T1. Số tiền 25 triệu đồng anh đã thanh toán cho ông N là tiền của công ty giao cho anh để thanh toán. Sau khi hoàn thành toàn bộ hạng mục san nền công ty tiếp tục dựng chợ anh vẫn tiếp tục phụ trách kỹ thuật và quản lý cho công ty. Đến hết tháng 11/2018 anh nghỉ việc tại công ty H, trước khi nghỉ việc anh không bàn giao lại sổ sách về toàn bộ công việc đã làm và số tiền đã trả, số tiền còn nợ lại của ông N cho ông T1 biết. Hiện nay công trình làm chợ HT và sân thể thao xã HT đã được UBND huyện N nghiệm thu và thanh toán. Do đó số tiền công san ủi mặt bằng tại xã HT còn nợ lại của ông N, công ty H phải thanh toán cho ông N. Anh thừa nhận có ứng tiền dầu của công ty số tiền 5.060.000đ. Theo tài liệu anh T1 nộp tại Tòa án là bản chụp sổ theo dõi công việc anh được công ty giao phụ trách, anh xác nhận đúng là sổ của anh, chữ viết trong đó cũng là của anh, tuy nhiên đó chỉ là phần theo dõi 02 nội dung công việc là thuê khoán ông N san ủi mặt bằng chợ HT ban đầu là 34 triệu đồng và san ủi sân thể thao theo đúng thiết kế và hỗ trợ xã làm mặt bằng để lễ hội, 02 nội dung này ông T1 đã xác nhận. Tuy nhiên còn một phần việc nữa là sau khi Chủ đầu tư kiểm tra mặt bằng công ty đã thực hiện thấy không đúng thiết kế, yêu cầu phải san ủi thấp hơn mặt bằng nhà văn hóa thôn K 01m mới đúng thiết kế của công trình. Anh có báo cáo với anh T1, anh T1 nhất trí bảo anh tiếp tục thuê ông N để san ủi mặt bằng theo đúng thiết kế nhưng chỉ thuê theo giờ, anh đã thực hiện đúng như trao đổi với ông T1 để ông N thực hiện san ủi tiếp tục hạ nền chợ, theo bản chấm giờ của anh ông N đã san ủi được 57 giờ nhưng công trình chưa xong được bao nhiêu nên anh có báo cáo ông T1 để thuê máy xúc theo tháng với số tiền 22 triệu đồng/tháng ông T1 nhất trí. Việc thuê máy xúc theo tháng thì công ty phải tự đổ dầu vào máy xúc do đó công ty nhất trí và cho anh Thành là lái xe của công ty chở dầu lên giao cho anh. Hết 01 tháng thuê máy xúc của ông N thì công việc san ủi mới hoàn thành. Anh không ứng số dầu diesel 638 lít của công ty, công ty trừ vào tiền công san ủi của ông N theo số liệu mà anh báo cáo công ty là không đúng. Bởi số dầu đó là để đổ vào máy xúc thực hiện san ủi khi anh thuê máy xúc theo tháng của ông N để hoàn thành nốt công trình mặt bằng chợ HT. Khi thuê máy theo tháng anh đã báo anh T1 cụ thể và yêu cầu công ty cung cấp dầu để đổ vào máy xúc để thực hiện san ủi. Ông T1 đã nhất trí thì anh mới làm. Như vậy toàn bộ số tiền công san ủi của ông N yêu cầu anh thanh toán công ty mới là người có trách nhiệm trả cho ông N chứ không phải tôi. Do đó anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Ông Mai Văn T1 xác định: Từ tháng 8 đến tháng 11/2018 anh có thuê anh Mai Trung T làm công việc phụ trách kỹ thuật, cai quản nhân công và máy móc để thực hiện công trình chợ HT và sân thể thao xã HT. Việc thỏa thuận trên hai bên không ký hợp đồng mà trao đổi miệng với nhau. Anh thuê theo thời vụ, xong công việc đến đâu trả tiền tới đó. Tiền công 5 triệu /tháng đến 6 triệu/tháng. Còn tiền công trình là xong đến đâu quyết toán đến đó. Khi giao cho anh T phụ trách kỹ thuật, thuê máy xúc để san ủi mặt bằng và quản lý nhân công anh T đã thuê ông Ma Công N thực hiện san ủi. Anh T có báo cáo lại với ông, ông nhất trí để anh T thuê khoán toàn bộ việc san ủi mặt bằng chợ tới cos cao bằng sân nhà văn hóa thôn K với giá thỏa thuận là 34 triệu đồng. Ông N đã thực hiện xong công việc theo thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó thấy rằng công trình mặt bằng chợ như vậy là chưa đảm bảo theo thiết kế ông đồng ý để anh T tiếp tục thuê ông N để thực hiện san ủi tiếp. Ông đồng ý để anh T thuê theo giờ, anh T phải là người trực tiếp chăm giờ san ủi để báo cáo về công ty. Ngoài ra trong quá trình công ty thi công ở đó ông xác nhận có việc anh đồng ý để anh T thuê máy xúc theo giờ để hỗ trợ xã HT trong việc san mặt bằng để tổ chức lễ hội và san mặt bằng sân thể thao xã HT. Theo báo cáo của anh T gửi cho ông bằng hình ảnh gửi qua mạng Facebook vào ngày 19/12/2018 thì tiền thuê khoán ông N làm mặt bằng chợ xã HT là 34 triệu và tổng số giờ anh T thuê ông N san ủi mặt bằng phục vụ lễ hội và làm sân đa năng, sân thể thao là 27 giờ. Trong đó có 17 giờ hỗ trợ rãnh và mặt bằng để xe phục vụ lễ hội và 10 giờ công ty san ủi sân đa năng và sửa sân thể thao. Với tổng số tiền là 44.800.000đ. Trong số tiền này anh đã đưa cho anh T tiền mặt là 25 triệu để thanh toán cho ông N và trừ tiền ứng để mua dầu 03 lần: lần 1 là 1.800.000đ, lần 2 là 3.260.000đ và lần 3 là 638 lít dầu thành tiền 15.950.000đ. Như vậy ông đã thanh toán cho anh T tổng số tiền là 46.010.000đ vượt quá số tiền ông phải thanh toán. Như vậy ông không còn phải trả gì anh T nữa. Anh T phải có trách nhiệm trả tiền cho ông N. Anh thừa nhận có việc anh T thông báo cho ông biết sau khi thuê khoán cho ông N san ủi mặt bằng từ quả đồi thành mặt bằng chợ HT với số tiền 34 triệu đồng là chưa đảm bảo theo thiết kế của công trình mà phải hạ mặt bằng xuống thêm 01 mét nữa mới đảm bảo đúng thiết kế nên ông đồng ý để anh T tiếp tục thuê ông N thực hiện san ủi tiếp nhưng là thuê theo giờ và giao cho anh T theo dõi chăm công giờ làm việc. Ông xác nhận ông N có thực hiện việc san ủi mặt bằng xã HT tiếp cho đến khi công trình xong đảm bảo thiết kế để bàn giao cho chủ đầu tư. Tuy nhiên ông chỉ thuê theo giờ chứ không có việc thuê máy xúc của ông N theo tháng như anh T và ông N trình bày. Ngoài ra ông xác nhận tiền công san ủi tiếp mặt bằng chợ HT hạ cos xuống thêm 01m anh T không có bảng thanh toán gửi cho ông, nhưng sau khi anh T nghỉ việc tại công ty ông đã thanh toán cho anh T số tiền công san ủi của 57 giờ này là 18 triệu đồng. Số tiền này ông giao cho anh T khi vợ chồng anh T đến nhà ông để thanh toán toàn bộ các khoản nợ nần giữa ông và anh T vào cuối năm 2019. Các giấy tờ thanh toán trả nợ là do anh T xuất trình và tính toán cụ thể và thanh toán xong. Tuy nhiên khi giao tiền cho anh T ông không lập giấy tờ cụ thể vì khi thuê anh T anh thỏa thuận miệng nên khi thanh toán cũng thỏa thuận miệng. Từ đó đến nay anh T cũng không còn ý kiến yêu cầu thanh toán về số tiền nào nữa. Ông không được anh T thông báo và

xin ý kiến gì về việc trả tiền thuê máy xúc cho ông N vào 02 ngày lễ hội và 02 ngày nghỉ chờ do ông V không cho thi công số tiền 01 triệu/ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Ma Công N giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại buổi đối chất, ông cho rằng thực tế ông đã thực hiện khối lượng công việc san ủi tại 02 công trình chợ nông thôn xã HT và thể thao xã HT, trách nhiệm thanh toán không của anh T thì của công ty H, ông đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật để ông được nhận đủ số tiền chưa được thanh toán là 62.421.000 đồng. Trong quá trình tính toán trong bảng tổng hợp khối lượng ông đã tính thiếu số tiền công của ông tuy nhiên ông vẫn chỉ yêu cầu được thanh toán số tiền 62.421.000 đồng. Ông xác định số dầu diesel ông ứng của anh T ông và anh T đã thanh toán với nhau xong không liên quan đến số tiền ông yêu cầu anh T trả.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Mai Trung T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên toàn bộ ý kiến anh T đã trình bày tại biên bản đối chất ngày 19/12/2021 của Tòa án cấp phúc thẩm. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Đề nghị Hội đồng làm rõ và xét xử đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T1 giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại biên bản đối chất của Tòa án cấp phúc thẩm. Tuy nhiên ông xác định lại là quá trình ông T1 làm việc cho ông tại công trường tại xã HT ông khoán hết công việc cho anh T và ông đã thanh toán xong với anh T, do đó nghĩa vụ thanh toán cho ông N là của anh T. Theo ông được biết thì quá trình anh T làm công trình cho công ty của ông, anh T còn sử dụng máy xúc của ông N nhận san ủi thuê cho các hộ dân tại xã HT, nếu cần thiết Tòa án có thể xác minh thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 515; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Trung T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS - ST, ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ma Công N. Buộc công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng và thương mại H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền 22.800.000đ (*Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Buộc ông Mai Trung T có nghĩa vụ trả cho ông Ma Công N số tiền còn lại là 39.621.000đ (*Ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*). Ngoài ra đề nghị Tòa án tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Đình H trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, do đó đơn kháng cáo được công nhận là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

[2.1] Ông Ma Công N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Mai Trung T phải trả cho ông số tiền công san ủi mặt bằng chợ HT và sân thể thao xã HT do anh T thuê ông san ủi vào thời gian từ tháng 8 đến tháng 11/2018. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản tổng hợp khối lượng công việc tháng 8/2018 có chữ ký của ông N và anh T. Theo bảng tổng hợp khối lượng tháng 11/2018 ông N nộp thể hiện anh T xác nhận anh T nợ tổng số tiền công san ủi làm mặt bằng chợ HT huyện N và Sân Vận động ủy ban xã HT, huyện N ông N đã thực hiện là 87.480.000 đồng. Trong đó tiền mặt bằng xã HT là 24.000.000đ; 36h 40 phút x 400.000đ/giờ = 14.680.000đ. Đào nền chợ HT 57 giờ x 400.000đ/giờ = 22.800.000đ. Giao máy cho T thuê 22.000.000đ. Máy nghỉ 02 ngày phục vụ lễ hội: 2.000.000đ. máy nghỉ 02 ngày giải phóng mặt bằng gia đình ông V không cho thi công 2.000.000đ. Tổng cộng 87.480.000đ – 25.059.000đ đã trả trước còn nợ lại là 62.421.000đ. Anh Mai Trung T xác định anh có ký xác nhận vào bảng tổng hợp khối lượng tháng 11/2018 mà ông N nộp cho Tòa án, đó là toàn bộ tiền công san ủi ông N đã thực hiện cho công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H. Anh chỉ là cán bộ kỹ thuật của công ty, anh được Công ty giao cho anh thuê ông Ma Công N để thi công san lấp mặt bằng. Anh chỉ có trách nhiệm chấm giờ và xác nhận thời gian máy của ông N thi công. Toàn bộ các nội dung trong bảng tổng hợp khối lượng này anh đã báo cáo ông T1 là giám đốc công ty và được sự đồng ý của ông T1, việc báo cáo anh thực hiện bằng nhiều hình thức như gọi điện trực tiếp, gửi tin nhắn cho ông Tuyên. Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại H là đơn vị thi công công trình và đã được chủ đầu tư thanh toán tiền công trình do đó công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N. Ông T1 giám đốc công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H xác định ông đã giao khoán công việc cho anh T và đã thanh toán xong toàn bộ cho anh T nên anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N.

Qua lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX thấy: Hạng mục san ủi mặt bằng chợ HT và sân thể thao xã HT, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nằm trong danh mục công trình “*Xây dựng chợ nông thôn xã HT, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*” và công trình “*Sửa chữa nâng cấp sân thể thao xã HT, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*” do công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H thi công, chủ đầu tư công trình là UBND huyện N, tỉnh Tuyên

Quang. Trong thời gian thực hiện công trình công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H có thuê anh Mai Trung T làm công việc phụ trách kỹ thuật, cai quản nhân công và máy móc để thực hiện công trình chợ HT và sân thể thao xã HT. Ngoài ra công ty còn giao cho anh T thuê máy xúc để thực hiện việc san ủi mặt bằng tại chợ HT và sân thể thao xã HT. Thực hiện nhiệm vụ được giao anh T đã thỏa thuận thuê máy xúc của ông Ma Công N để thực hiện san ủi. Toàn bộ nội dung thỏa thuận về công việc thuê san ủi, giá tiền công thuê san ủi anh T là người trực tiếp giao dịch với ông N và đều phải báo cáo với ông T1 giám đốc công ty, khi được công ty nhất trí thì anh T mới để cho ông N làm. Mặc dù việc thống nhất thỏa thuận giữa công ty với anh T cũng như giữa anh T với ông N chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập hợp đồng cụ thể. Tuy nhiên theo kết quả đối chất giữa các đương sự thừa nhận toàn bộ công việc san ủi tại công trường mà ông N thực hiện anh T là người quản lý, giám sát và có trách nhiệm báo về công ty để thanh toán. Bản thân ông N, anh T và công ty đều thừa nhận phần hạng mục san ủi mặt bằng của công trình là do ông N thực hiện, quá trình thực hiện việc san ủi ông N và anh T đều có sổ sách ghi chép số liệu, anh T sẽ có trách nhiệm báo về công ty số liệu công việc ông N đã thực hiện để yêu cầu công ty thanh toán. Như vậy có căn cứ xác định đây là hợp đồng được thỏa thuận giữa ông N và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại H. Do đó công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền công san ủi do ông N đã thực hiện cho công ty.

Quá trình giải quyết vụ án qua kết quả đối chất ông T1 là giám đốc công ty H xác nhận trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 11/2018 công ty có thuê anh T quản lý công việc cho công ty tại công trường xã HT và trả tiền trách nhiệm cho anh T, đồng thời giao cho anh T thuê người san ủi mặt bằng cho công trình và công ty sẽ thanh toán cho anh T, khi thực hiện việc thuê người ông N san ủi mặt bằng anh T có báo cáo trực tiếp với ông và ông có đồng ý để anh T thuê ông N thực hiện san ủi cụ thể: Giao khoán san ủi mặt bằng chợ HT số tiền 34.000.000đ. Thuê theo giờ san ủi phục vụ lễ hội và san sân đa năng sân thể thao theo báo cáo của anh T là 27 giờ x 400.000đ/giờ = 10.800.000đ. Thuê giờ san ủi hạ nền chợ HT để đảm bảo đúng thiết kế là 57 giờ x 400.000đ/giờ = 22.800.000đ. Công ty không được anh T báo cáo về việc thuê máy xúc của ông N theo tháng với số tiền 22.000.000đ và 638 lít dầu diezen giao cho anh T là theo yêu cầu của anh T chứ không có việc anh T báo cáo đề nghị cung cấp cấp dầu để đổ vào máy xúc thực hiện san ủi xong toàn bộ mặt bằng chợ HT, không được báo cáo đề nghị trả tiền 02 ngày nghỉ phục vụ lễ hội số tiền 2.000.000đ, máy nghỉ 02 ngày giải phóng mặt bằng gia đình ông V không cho thi công 2.000.000đ. Đồng thời công ty xuất trình tài liệu, chứng cứ là 02 ảnh chụp số liệu anh T ghi chép để báo cáo công ty do anh T gửi cho ông T1 qua tin nhắn facebook vào ngày 19/12/2018 (sau khi anh T đã nghỉ việc) thể hiện: Tờ 1: anh T có thuê khoán máy xúc của ông N san ủi mặt bằng là 34 triệu đồng trừ đi 11.800.000đ (trong đó 1.800.000đ là tiền dầu và 10.000.000đ tiền ứng) còn lại 22.200.000đ phải thanh toán và tờ 2 thể hiện ông N

san ủi phục vụ lễ hội và san sân đa năng sân thể thao là 27 giờ x 400.000đ/giờ = 10.800.000đ. Trừ đi 3.260.000đ tiền dầu còn lại phải thanh toán là 7.540.000đ. Như vậy tổng số tiền công ty phải thanh toán cho ông N theo số liệu anh T báo cáo là 44.800.000đ. Công ty xác định đã 02 lần chuyển tiền cho anh T để trả cho ông N là 25.000.000đ, công ty chuyển cho anh T 638 lít dầu diezen (do anh Nguyễn Tân Th giao cho anh T), trị giá tiền dầu là 15.590.000đ và 02 lần anh T ứng dầu của công ty với số tiền lần 1 là 1.800.000đ và lần 2 là 3.260.000đ. Tổng giá trị tiền dầu, tiền mặt công ty đã giao cho anh T là 46.010.000đ để trả cho ông N, số tiền trả thừa công ty không yêu cầu anh T phải thanh toán nữa. Đối với số tiền thuê ông N san ủi hạ nền chợ HT để đảm bảo đúng thiết kế là 57 giờ x 400.000đ/giờ = 22.800.000 đồng khi anh T nghỉ việc công ty thanh toán cho anh T số tiền 18.000.000đ tiền thuê theo giờ san ủi hạ nền chợ HT để đảm bảo đúng thiết kế.

Qua lời khai của ông T1 Hội đồng xét xử thấy mặc dù trách nhiệm thanh toán cho ông N thuộc về công ty song công ty đưa ra được căn cứ chứng minh công ty đã giao cho anh T đủ số tiền công san ủi theo báo cáo của anh T để trả cho ông N. Trách nhiệm thanh toán cho ông N thuộc về anh T. Đối với số tiền thuê ông N san ủi hạ nền chợ HT để đảm bảo đúng thiết kế là 57 giờ x 400.000đ/giờ = 22.800.000đ. Ông T1 cho rằng khi anh T nghỉ việc công ty anh T và anh T1 thỏa thuận là 18.000.000đ anh đã thanh toán đủ cho anh T số tiền 18.000.000đ. Tuy nhiên anh T không thừa nhận, ông T1 không xuất trình được tài liệu chứng minh đã chuyển số tiền 18 triệu cho anh T để thanh toán cho ông N do đó số tiền 22.800.000đ. công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N.

Anh T xác định anh có ký xác nhận vào bảng tổng hợp khối lượng tháng 11/2018 mà ông N nộp cho Tòa án, đó là toàn bộ tiền công san ủi ông N đã thực hiện cho công ty H. Toàn bộ các nội dung trong bảng tổng hợp khối lượng này anh đã báo cáo ông T1 là giám đốc công ty và được sự đồng ý của anh T1, việc báo cáo anh thực hiện bằng nhiều hình thức như gọi điện trực tiếp, gửi tin nhắn cho ông T1. Tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh đã báo cáo công ty và được công ty nhất trí để anh thuê ông N thuê máy xúc của ông N theo tháng để san ủi mặt bằng chợ HT để đảm bảo theo đúng thiết kế công trình của chủ đầu tư số tiền 22.000.000đ và công ty đồng ý trả tiền máy xúc của ông N nghỉ 02 ngày phục vụ lễ hội với số tiền 2.000.000đ và đồng ý trả tiền máy xúc nghỉ 02 ngày giải phóng mặt bằng do gia đình ông V không cho thi công với số tiền 2.000.000đ cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh anh thuê ông N máy xúc theo tháng để san ủi mặt bằng chợ HT cho và máy xúc nghỉ làm để chờ phục vụ lễ hội hay phải nghỉ do chờ do gia đình ông V không cho thi công 2.000.000đ. Anh T cũng không chứng minh được lý do có sự chênh lệch số giờ san ủi phục vụ lễ hội và san sân đa năng sân thể thao xã HT theo báo cáo của anh T với công ty là 27 giờ x 400.000đ/giờ = 10.800.000đ, nhưng anh T xác nhận với ông N tiền san ủi phục vụ lễ hội và san sân đa năng sân thể thao xã HT là 36h40

phút x 400.000đ/giờ = 14.680.000đ. Do đó anh T phải chịu trách nhiệm đối với số tiền công xác nhận với ông N.

Anh T thừa nhận được nhận số dầu diezen là 638 lít do anh Nguyễn Tân Th là lái xe của công ty H giao trong thời gian đang quản lý công trình cho công ty H tại xã HT, anh T cho rằng số dầu này công ty giao cho anh để đổ vào máy xúc để thực hiện san ủi khi công ty thuê máy xúc theo tháng của ông N. Tuy nhiên công ty không thừa nhận việc thuê máy xúc theo tháng của ông N để thực hiện việc san ủi. Bản thân trong bản tự khai anh T cũng cho rằng anh không được thuê máy của ông N, nội dung bản tổng hợp khối lượng đã ghi thêm vào. Trong báo cáo công việc san ủi ông N đã thực hiện cho công ty anh T gửi về công ty cũng không có nội dung thuê máy theo tháng của ông N. Như vậy anh T không đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh việc thuê máy xúc của ông N để thực hiện việc san ủi mặt bằng thi công công trình chợ HT của công ty H và 638 lít dầu diezen nhận của công ty là để đổ vào máy xúc để san ủi mặt bằng cho công ty. Do đó anh T phải chịu trách nhiệm về số dầu đã nhận từ công ty và tiền công san ủi đã xác nhận với ông N.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T phải trả toàn bộ số tiền 62.421.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng*) cho ông N là chưa chính xác. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh T sửa một phần bản án sơ thẩm buộc công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng và thương mại H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền 22.800.000đ. Buộc anh T phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền còn lại 39.621.000đ.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Trung T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng và thương mại H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền phải thanh toán.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Trung T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 515, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Mai Trung T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2021/DS - ST, ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ma Công N.

Buộc anh Mai Trung T có nghĩa vụ trả cho ông Ma Công N số tiền 39.621.000đ (*Ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*).

Buộc công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng và thương mại H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền 22.800.000đ (*Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*)

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Trung T phải nộp 1.981.050 đồng làm tròn 1.981.000đ (*Một triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và thương mại H phải nộp 1.140.000đ (*Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Ma Công N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí là 1.560.500 đồng (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000914 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TQ ngày 03/3/2021.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Trung T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0001183 ngày 13/9/2021 của Chi cục thi hành án huyện thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2022).

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Ngọc Hà

